

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua sắm trang phục cho lực lượng Dân quân Tự vệ năm 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh về việc quy định một số nội dung thực hiện việc lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo số 1144/BC-STC ngày 11/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm trang phục cho lực lượng Dân quân Tự vệ năm 2022, như sau:

1. Tên gói thầu: Mua sắm trang phục cho lực lượng Dân quân Tự vệ năm 2022.
2. Giá gói thầu: 20.018.481.000 đồng (Hai mươi tỷ, không trăm mười tám triệu, bốn trăm tám mươi một ngàn đồng)

3. Danh mục mua sắm:

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh theo Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh.

5. Cơ quan tổ chức lựa chọn nhà thầu: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

6. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.

7. Phương thức hợp đồng: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ

8. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II, III năm 2022.

9. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

10. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh lập, phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và thanh quyết toán theo quy định, đồng thời báo cáo kết quả đấu thầu cho Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì cùng với Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đấu thầu của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đảm bảo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các CPVP;
- Lưu: VT, TH, KGVX, KTTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh Quảng

Nam)

TT	Tên hàng hoá	ĐVT	Số lượng	Dự toán (đồng)
1	Mũ cứng	Cái	9.078	803.403.000
2	Mũ mềm	Cái	9.078	567.375.000
3	Quần áo cán bộ hè nam	Bộ	1.750	1.107.750.000
4	Quần áo cán bộ hè nữ	Bộ	51	32.130.000
5	Quần áo chiến sĩ nam	Bộ	18.858	8.580.390.000
6	Quần áo chiến sĩ nữ	Bộ	2.523	1.142.919.000
7	Dây lưng	Cái	9.509	884.337.000
8	Bít tất	Đôi	32.185	804.625.000
9	Giày da đen nam	Đôi	1.253	517.489.000
10	Giày da đen nữ	Đôi	50	20.635.000
11	Giày vải thấp cổ	Đôi	1.801	207.115.000
12	Giày vải cao cổ	Đôi	13.049	1.500.635.000
13	Quần áo đi mưa cán bộ	Bộ	669	234.150.000
14	Áo mưa chiến sĩ	Cái	7.883	608.567.600
15	Quần lót	Cái	1.026	56.430.000
16	Áo lót	Cái	1.026	65.664.000
17	Khăn mặt	Cái	1.026	34.884.000
18	Áo ấm nam	Cái	1.073	578.347.000
19	Chăn	Cái	2.601	1.716.660.000
20	Màn	Cái	2.601	202.878.000
21	Gối	Cái	191	28.077.000
22	Chiều	Cái	2.923	171.872.400
23	Đệm giường	Cái	124	114.576.000
24	Ba lô	Chiếc	124	37.572.000
	Tổng cộng			20.018.481.000